

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D

TỈNH KHÁNH HÒA

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 06/5/2019

V/v ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - TỈNH KHÁNH HÒA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Bùi Thị Huê

+ Ông Đỗ Công Luận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Bảo Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Hồ Hữu Nghĩa - Kiểm sát viên

Vào ngày 03 và 06 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 27/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn Q, sinh năm 1963

Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố P, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Tạm trú: Tổ G, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định; có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1962

Địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Trần Văn Q trình bày: Ông Q và bà Nguyễn Thị Ngọc A tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1987, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D vào năm 1989. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn vì tính tình không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung, bà A không rõ ràng trong vấn đề tiền bạc, tài sản trong gia đình, điều này tạo ra nhiều áp lực, căng thẳng trong cuộc sống hôn nhân, khoảng cách giữa hai bên ngày càng lớn và không thể hàn gắn được. Ông Q và bà A không còn chung sống với nhau hơn một năm nay. Vào tháng 11/2018, ông Q có nộp đơn khởi kiện xin ly hôn bà A tại Tòa án nhân dân huyện D tuy nhiên vì con cái nên

ông đã rút đơn khởi kiện. Nay, ông Q nhận thấy không còn tình cảm với bà A, không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân giữa hai bên nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông Q được ly hôn với bà A. Về con chung: Có 04 con chung là Trần Nhật T, sinh ngày 19/9/1995; Trần Nhật Th, sinh năm 01/4/1990; Trần Nhật Hoàng P, sinh ngày 12/6/1987 và Trần Nhật Anh T, sinh ngày 15/3/1992, các con chung đã trưởng thành và khỏe mạnh nên ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Ông Q và bà A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Ông Q xác định không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A theo các lời khai tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm trình bày: Bà A thống nhất về thời gian chung sống và kết hôn như ông Q đã trình bày. Trong thời gian chung sống, giữa bà A và ông Q không xảy ra mâu thuẫn gì lớn, có đôi lúc cãi vã vì chuyện kinh tế gia đình nhưng sau đó hai bên hòa thuận và tiếp tục chung sống đã hơn ba mươi năm. Tuy trong thời gian chung sống, ông Q có quan hệ với nhiều người phụ nữ khác bên ngoài nhưng bà A vẫn tha thứ, chịu đựng vì tình cảm bà dành cho ông Q và các con. Bà A cũng thừa nhận có việc ông Q xin ly hôn với bà tại Tòa án nhân dân huyện D vào tháng 11/2018, do tại thời điểm đó ông Q đang có người phụ nữ khác ở bên ngoài vì tức giận bà A có yêu cầu ông Q về D để ly hôn nhưng sau đó ông Q rút đơn vì con cái và cho bà A thêm thời gian để hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa hai bên. Hiện bà A vẫn còn yêu thương ông Q nên bà A không đồng ý ly hôn, bà Anh xin ông Q cho thêm thời gian là một năm để vợ chồng hàn gắn mâu thuẫn với nhau nếu vẫn không được bà A đồng ý ly hôn. Về con chung: Bà A xác định các con chung là Trần Nhật T, sinh ngày 19/9/1995; Trần Nhật Th, sinh năm 01/4/1990; Trần Nhật Hoàng P, sinh ngày 12/6/1987 và Trần Nhật Anh T, sinh ngày 15/3/1992, đã trưởng thành và khỏe mạnh nên bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Nếu trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, bà và ông Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Bà A xác định không có.

Phát biểu tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D cho rằng Tòa án nhân dân huyện D đã tuân thủ, chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn Q và bà Nguyễn Thị Ngọc A tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1987, đến năm 1989 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, ông Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với bà A. Bà A không đồng ý ly hôn với lý do vẫn còn tình cảm với ông Q. Xét trong quá trình chung sống với nhau, cả ông Q và bà A đều thừa nhận giữa hai bên đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu, theo bà A nguyên nhân do ông Q có mối quan hệ với nhiều người phụ nữ khác ở bên ngoài, còn theo ông Q là do vợ

chồng không có sự hòa hợp về tính tình và bà A không rõ ràng trong vấn đề tiền bạc, tài sản gia đình. Chính điều này đã tạo ra sự căng thẳng, mâu thuẫn, xung đột, trong đời sống vợ chồng giữa ông Q và bà A. Hiện ông Q không còn chung sống thường xuyên với bà A tại **thị trấn D, huyện D mà đang sinh sống, cư trú tại tỉnh B cùng với cha mẹ ông Q (điều này được bà A thừa nhận tại phiên tòa)**. Mặt khác, tại phiên tòa, bà A cũng thừa nhận có việc ông Q gửi đơn xin ly hôn với bà A tại Tòa án nhân dân huyện D vào tháng 11/2018 nhưng sau đó rút đơn vì con cái và cho bà A cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa hai bên. Kể từ khi ông Q rút đơn, theo bà A trình bày, bà A đã nỗ lực rất nhiều, chủ động nhiều lần nhắn tin điện thoại, cố gắng thuyết phục, níu kéo tình cảm để ông Q suy nghĩ, quay về chung sống lại với bà A. Tuy nhiên ông Q vẫn kiên quyết, không đồng ý và tiếp tục có yêu cầu ly hôn với bà A tại Tòa án nhân dân huyện D. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy mối quan hệ hôn nhân giữa ông Q và bà A đã có sự mâu thuẫn, mục đích hôn nhân khó có thể duy trì, hàn gắn lại được nên cần chấp nhận yêu cầu của ông Q, cho ông Q được ly hôn bà A.

[2]. Về con chung: Ông Q và bà A đều xác định các con chung đã trưởng thành và khỏe mạnh nên Hội đồng xét xử không xét.

[3]. Về tài sản chung: Ông Q và bà A không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4]. Về nợ chung: Ông Q và bà A đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Ông Q phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Trần Văn Q được ly hôn bà Nguyễn Thị Ngọc A.

2. Về án phí: Ông Trần Văn Q phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002519 ngày 04 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Khánh Hòa; ông Q đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Lệ

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

- TAND tỉnh Khánh Hòa; **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
- VKSND huyện Diên Khánh;

- Chi cục thi hành án dân sự huyện Diên Khánh;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

Nguyễn Thị Ngọc Lệ